

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018

**CAP- CAP – CAP – CAP – CAP – CAP **

I. Thông tin chung

I. Khái quát

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN
THỰC PHẨM YÊN BÁI

Tên giao dịch : YENBAI JOINT – STOCKS FOREST
quốc tế : AGRICULTURAL PRODUCTS AND
FOODSTUFF COMPANY

Tên viết tắt : YFATUF

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200116441 do Sở Kế
hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm
2004, thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 07 năm 2016

Vốn điều lệ : 47.600.880.000 VND

Địa chỉ trụ sở : Số nhà 279 – đường Nguyễn Phúc - phường
chính Nguyễn Phúc – thành phố Yên Bái – tỉnh Yên
Bái

Điện thoại : 0216.3862.278

Fax : 0216.3862.804

Website : www.yfatuf.com.vn

Email : yfatuf@gmail.com

Mã chứng khoán : CAP

2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty

- Công ty Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái tiền thân là Nhà máy giấy Yên Bái được thành lập từ năm 1972. Công ty đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm chuyển đổi từ nền kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường. Đến năm 1994 được thành lập lại và đổi tên là Công ty Chế biến lâm nông sản thực phẩm Yên Bái theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.
- Thực hiện theo Quyết định số 276/QĐ UB ngày 27 tháng 8 năm 2004 của UBND tỉnh Yên Bái, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Chế biến lâm nông sản thực phẩm thành Công ty Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái.
- Công ty Cổ phần chính thức hoạt động từ 01.10. 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.
- Vốn điều lệ ban đầu 5 tỷ đồng, do cổ đông người lao động trong doanh nghiệp nắm giữ 100%.
- Ngày 09.01.2008 chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại sàn Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà nội nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà nội.
- Tăng vốn điều lệ:
 - Năm 2006 tăng vốn điều lệ lần thứ nhất từ 5 tỷ lên 6 tỷ đồng.
 - Năm 2007 tăng vốn điều lệ lần thứ hai từ 6 tỷ lên 11 tỷ đồng.
 - Năm 2011 tăng vốn điều lệ lần thứ ba từ 11 tỷ lên 17 tỷ đồng.
 - Năm 2013 tăng vốn điều lệ lần thứ tư từ 17 tỷ lên 34 tỷ đồng.
 - Năm 2016 tăng vốn điều lệ lần thứ năm từ 34 tỷ lên 47 tỷ đồng.

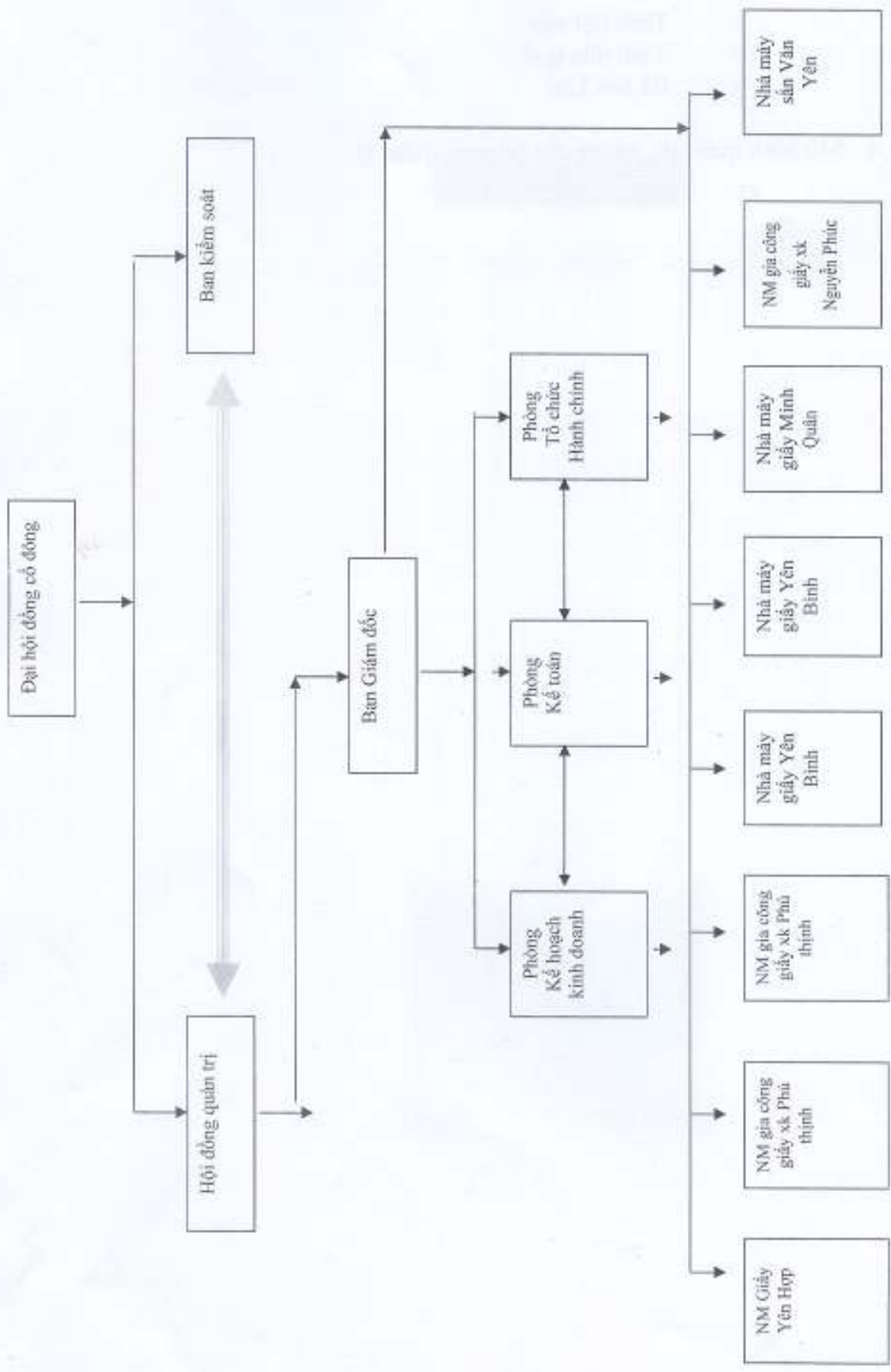
3. Ngành nghề và sản phẩm

- Ngành nghề đăng ký kinh doanh:
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản.
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm.
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu phụ tùng, vật tư, thiết bị, hàng hóa tổng hợp.
 - Kinh doanh dịch vụ du lịch, thương mại tổng hợp; dịch vụ khách sạn, nhà hàng, cho thuê văn phòng.
- Sản phẩm chủ yếu hiện nay tại Công ty:
 - Giấy đế
 - Giấy vàng mã

- Tinh bột sắn
- Tinh dầu quế
- Bã sắn khô

4. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý





5. Định hướng phát triển doanh nghiệp

+ Giai đoạn 2014- 2019:

- Tập trung ổn định sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống. Thực hiện mọi biện pháp tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo lợi thế và tiềm lực tài chính cho thực hiện chiến lược phát triển Công ty giai đoạn tiếp theo.
- Nghiên cứu , đầu tư phát triển sản phẩm mới: vỏ quế, tinh bột khoai lang, bột biến tính.
- Doanh thu đến năm 2019 đạt 380 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 23 tỷ, cổ tức đạt từ 30%/ năm trở lên, tăng vốn điều lệ đạt từ 40 tỷ đồng trở lên.

+ Mục tiêu phát triển bền vững :

- Chăm lo đời sống từ vật chất tới tinh thần cho người lao động trong doanh nghiệp.
- Chú trọng đầu tư cải thiện ngày càng tốt hơn công tác môi trường trong sản xuất.
- Về nhân sự: lập phương án quy hoạch cán bộ chủ chốt giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2020- 2025.
- Đầu tư vùng nguyên liệu ổn định bền vững thông qua nhiều hình thức.

II. Hoạt động trong năm

1. Sản xuất kinh doanh

- Kết quả sản xuất kinh doanh

	KH 2018	Thực hiện 2018	So sánh
Doanh thu (tr đ)	320.000	388.637	121,4 %
Lợi nhuận sau thuế (tr đ)	≥ 19.000	34.639	182,3 %

- So sánh với năm trước:

Chi tiêu	2016		2017		2018	
	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề
Doanh thu (triệu đồng)	322.819	105	272.608	84%	388.637	142%
Lợi nhuận	19.035	59	14.681	77%	34.639	235%

sau thuế (triệu đồng)						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3.679	42	2837	77%	6695	235%

- Doanh thu năm 2018 tăng chủ yếu do tiêu thụ lượng tinh bột sắn tồn năm 2017 chuyển sang, giá bán giấy tăng do tăng tỷ trọng mặt hàng giấy chất lượng cao đồng thời sản lượng giấy tăng.
- Năm 2018 cũng là năm cuối của giai đoạn 2014 – 2019 có đủ 12 tháng, sang năm 2019 chỉ có 9 tháng (theo NQĐHĐCĐ 2018 đã thông qua về việc thay đổi năm tài chính).

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành :

Ông Trần Công Bình	:	Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Nguyễn Quốc Trinh	:	Giám đốc Công ty
Ông Lê Long Giang	:	Phó giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Văn Trữ	:	Phó giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 10/10/2018)
Bà Hứa Minh Hồng	:	Kế toán trưởng

- Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ công nhân viên thời điểm 31/12/2018: 405 người, trong đó trình độ lao động thể hiện qua các chỉ số sau:

Thạc sĩ	:	03 người
Đại học	:	69 người
Cao đẳng	:	28 người
Trung cấp	:	60 người
Công nhân kỹ thuật và sơ cấp	:	133 người

- Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thân thể, tổ chức các hoạt động xã hội của tổ chức công đoàn – đoàn thanh niên, đào tạo nâng cao trình chuyên môn – tay nghề , nghỉ mát...Thu nhập bình quân người lao động đạt 7.000.000 đ/người tháng.

3. Tình hình đầu tư

- Dự án nâng cấp cải tạo hệ thống xử lý nước thải nhà máy sản Văn yên với tổng mức đầu tư dự kiến 13.493 triệu đồng, đầu tư bằng nguồn vốn tự có, thực hiện theo hình thức chia khóa trao tay. Hiện nhà thầu vẫn đang tiếp tục hoàn thiện các hạng mục của dự án.
- Thực hiện dự án cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy giấy Yên hợp với tổng mức đầu tư dự kiến 2,5 tỷ đồng bằng vốn tự có. Hiện nhà thầu đang thực hiện dự án.

4. Tình hình tài chính

a- Tình hình tài chính

Chi tiêu	2016		2017		2018	
	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề	ST	% tăng trưởng so với năm trước liền kề
Doanh thu (triệu đồng)	322.819	105	272.608	84%	388.637	142%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	19.035	59	14.681	77%	34.639	235%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3.679	42	2.837	77%	6695	235%

b- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chi tiêu	ĐVT	2016	2017	2018
1	Khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,86	2,23	2,79
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,13	1,71	2,23
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,88	0,21	0,29

2	Tỷ suất lợi nhuận				
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	21,08	20,36	33,83
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	%	32,43	36,98	52,74
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,90	5,39	8,91
3	Khả năng sinh lời của VCSH				
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	39,99	30,84	72,77
4	Vòng quay vốn lưu động	vòng/năm	3,5	3,4	5,2
4	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (thời điểm 31/12/2018)	CP	4.760.088		
5	Số lượng cổ phiếu quỹ	CP	Không		

5. Cơ cấu cổ đông

1- Các dữ liệu thống kê về cổ đông - thời điểm gần nhất chốt danh sách: 07/09/2018(riêng với cổ đông nội bộ theo báo cáo đến 31/12/2018)

Cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
1. Cổ đông nội	1.570.691	33,00			1.570.691	33,00

bộ						
<i>HDQT</i>	1.533.981	32,23			1.533.981	32,23
<i>Ban GD (*)</i>	5.640	0,12			5.640	0,12
<i>Ban KS</i>	31.070	0,65			31.070	0,65
2. Cổ đông khác	3.101.880	65,16	87.517	1,84	3.189.397	67,00
<i>Cá nhân</i>	3.091.873	64,95	54.757	1,15	3.146.630	66,10
<i>Tổ chức</i>	10.007	0,21	32.760	0,69	42.767	0,90
Tổng số vốn điều lệ	4.672.571	98,16	87.517	1,84	4.760.088	100,00

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TT	Chỉ tiêu	đvt	
1	Tổng lượng nguyên vật liệu chính dùng để sản xuất		
	Tre, nứa, ... xenlulo sợi dài	tấn	44.578
	Sắn củ tươi	tấn	54.189
	Cành lá que	tấn	4.639
	Gỗ rừng trồng	m ³	1.742
2	Tiêu thụ năng lượng		
	Điện	Kw	10.575.505
	Củi (tận thu cành ngọn, ...)	ste	54.949
3	Tiêu thụ nước		
	Nguồn cung cấp (tự khai thác và mua)		nước mặt
	Lượng nước sử dụng	m ³	1.941.106
4	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường		
	Số lần bị xử phạt	lần	
	Tổng số tiền do bị xử phạt	Tr đ	
5	Chính sách người lao động		
	Số lượng lao động	người	405
	Mức lương trung bình đối với người lao động	Tr đ/người tháng	7.0

	<i>Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động</i>		
	Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động ở từng vị trí làm việc theo qui định của Nhà nước	Trđ	162
	Khám sức khỏe định kỳ 100% người lao động, đo môi trường lao động	Trđ	68
	Tổ chức cho 1/3 CBCNV nghỉ mát, tham quan học tập trong nước	Trđ	1.418
	Tổ chức hoạt động và tặng quà chị em phụ nữ vào các ngày 8/3 và 20/10		
	Tổ chức các hoạt động và tặng quà cho các cháu là con em CBCNV trong Công ty nhân dịp Quốc tế thiếu nhi và Trung thu		
	<i>Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp</i>		
	Kinh tế hội nhập		
	An toàn phòng chống cháy nổ		
	Giao dịch điện tử thương mại		
	Tập huấn an toàn vệ sinh lao động	tr	93,2
	Huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy	tr	11,1
	Tập huấn về Luật lao động		
	Tập huấn dân quân tự vệ		
	Tập huấn công tác công đoàn, công tác thanh niên, đảng,...		
6	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng		
	Tham gia ủng hộ các chương trình từ thiện, phúc lợi xã hội, hỗ trợ	Trđ	251

	khắc phục hậu quả thiên tai		
	Hỗ trợ phát triển nông thôn mới và cơ sở hạ tầng tại huyện Văn yên	Trđ	239

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

a- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	2016	2017	2018		%	
			KH	TH	So với KH	So với 2017
Doanh thu (trđ)	322.819	272.608	320.000	388.637	121	142
Trong đó XK (trđ)	129.786	84.916		90.102		106
LN sau thuế (trđ)	19.035	14.681	≥ 19.000	34.639	182	235
Nộp ngân sách (tr đ)	15.940	23.219	100% số phát sinh	31.723		136

b- Doanh thu tiêu thụ các sản phẩm chính:

Đvt: trđ

Sản phẩm	Tổng doanh thu (trđ)	Trong đó (tr đ) :	
		Nội tiêu	Xuất khẩu
Năm 2016	322.818	193.032	129.786
Giấy để	101.891	72.392	29.499
Giấy vàng mã	52.226		52.226
Tinh bột sắn	146.379	98.318	48.061
Tinh dầu quế	16.895	16.895	
Bã sắn	5.427	5.427	
Năm 2017	272.376	187.692	84.684
Giấy để	97.977	83.157	14.820
Giấy vàng mã	69.864		69.864
Tinh bột sắn	78.604	78.604	
Tinh dầu quế	21.156	21.156	
Bã sắn	4.775	4.775	

Năm 2018	388.637	298.535	90.102
Giấy để	119.966	108.706	11.260
Giấy vàng mã	78.842		78.842
Tinh bột sắn	167.880	167.880	
Tinh dầu quế	12.467	12.467	
Bã sắn	5.293	5.293	

2. Tình hình tài chính

a- Tình hình tài sản : Nợ phải thu xấu với số tiền 399.583.932 đ của Công ty TNHH Đức Việt Anh sau khi xem xét tình hình Công ty đã quyết định xóa nợ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- HĐQT xây dựng và triển khai phương án nhân sự có chiều sâu, đặc biệt là công tác cán bộ.
- Hoàn thiện quy chế đã có, bổ sung hàng loạt quy chế mới góp phần cải tiến quy trình quản lý trong đơn vị.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Ổn định mặt hàng giấy.
- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai xây dựng các dự án sản phẩm mới chế biến các sản phẩm từ cây quế, tinh bột biến tính.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá chung:

- HĐQT bám sát mọi diễn biến tình hình trong hoạt động sxkd của Công ty. Đã tiến hành nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban Giám đốc (BGĐ) thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao. Đặc biệt để đạt được các chỉ tiêu trong năm 2018, HĐQT đã đồng hành cùng BGĐ triển khai kế hoạch của từng mặt hàng và đề ra nhiều giải pháp tích cực trong quá trình sxkd của Công ty.
- HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của BGĐ. Giám đốc Công ty thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động. HĐQT đã cùng BGĐ thảo luận bàn bạc đưa ra nhiều giải pháp kịp thời đảm bảo hoạt động sxkd của Công ty đạt được hiệu quả nhất.

2. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị :

- Ổn định và phát triển bền vững Công ty trên cơ sở các mặt hàng hiện có. Nâng cao hiệu quả trong hoạt động sxkd của Công ty trên cơ sở tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với tình hình SX-KD của Công ty, xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo hoạt động của Ban giám đốc Công ty, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh Hệ thống Nội quy – Quy chế - Quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động SX-KD.
- Đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CB CNV trong công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

- Tóm tắt lý lịch các cá nhân trong Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2019

a/ Ông Trần Công Bình – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Giới tính : Nam
 Số CMTND : 060554079
 Sinh ngày : 25/5/1957
 Quốc tịch : Việt nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Tổ 46- phường Hồng hà
 – TP Yên Bái – tỉnh Yên Bái
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Số cổ phiếu đang nắm giữ : 313.563 CP

b/ Ông Nguyễn Quốc Trinh- Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty.

Giới tính : Nam
 Số CMTND : 060566414
 Sinh ngày : 21/01/1959
 Quốc tịch : Việt nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Tổ 14- phường Hồng hà
 – TP Yên Bái – tỉnh Yên Bái
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Số cổ phiếu đang nắm giữ : 211.226 CP

c/ Bà Hoàng Thị Bình - Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính	:	Nữ
Số CMTND	:	060643727
Sinh ngày	:	20/05/1959
Quốc tịch	:	Việt nam
Dân tộc	:	Tày
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 51 - phường Minh tân - TP Yên Bái - tỉnh Yên Bái
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Dược sỹ đại học
Số cổ phiếu đang nắm giữ	:	562.800 CP
d/ Bà Hứa Minh Hồng – Thành viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng Công ty.		
Giới tính	:	Nữ
Số CMTND	:	060738575
Sinh ngày	:	12/8/1965
Quốc tịch	:	Việt nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 27A - phường Nguyễn Phúc - TP Yên Bái - tỉnh Yên Bái
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Số cổ phiếu đang nắm giữ	:	229.392 CP
e/ Bà Trương Thị Hoàng Yến – Thành viên Hội đồng quản trị		
Giới tính	:	Nữ
Số CMTND	:	015185000063
Sinh ngày	:	15/12/1985
Quốc tịch	:	Việt nam
Dân tộc	:	Tày
Địa chỉ thường trú	:	Nhà 27 – Huỳnh Thúc Kháng – Đống Đa – Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ kinh tế chính trị
Số cổ phiếu đang nắm giữ	:	217.000 CP

- Trong năm 2018 HĐQT đã họp 03 phiên: kịp thời xem xét và ra nghị quyết chỉ đạo thực hiện các dự án, sản xuất kinh doanh, nội dung hoạt động của Công ty.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2019

- Ông Nguyễn Thanh Bình – Trưởng Ban kiểm soát – Trưởng phòng

Tổ chức hành chính

Giới tính : Nam
Số CMTND : 060356535
Sinh ngày : 20/03/1961
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Tổ 2 - phường Nguyễn
Thái Học - TP Yên Bái
- tỉnh Yên Bái

Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Số cổ phiếu đang nắm giữ : 28.000 CP
- Ông Lương Quốc Quyền - Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách
- Bổ nhiệm ngày 07/04/2018

Giới tính : Nam
Số CMTND : 060595912
Sinh ngày : 15/12/1981
Quốc tịch : Việt nam

Dân tộc : Tày
Địa chỉ thường trú : SN 80 - phường Đồng
tâm - thành phố Yên
Bái - tỉnh Yên Bái

Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư quản trị kinh
doanh

Số cổ phiếu đang nắm giữ : 2.900 CP
- Ông Nguyễn Hồng Quang - Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm -
Bổ nhiệm 07/04/2018

Giới tính : Nam
Số CMTND : 060406977
Sinh ngày : 18/05/1976
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Tổ 15- phố Phúc tân -
phường Nguyễn Phúc -
tp Yên Bái - tỉnh Yên
Bái

Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghiệp và
phát triển nông thôn

Số cổ phiếu đang nắm giữ : 170 CP

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, trong năm 2018 Ban kiểm soát đã họp 4 phiên để triển khai nội dung hoạt động, đồng thời kết hợp với nhiệm vụ chuyên môn, hàng tháng đều kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý tài chính, việc thực hiện chế độ chính sách Nhà nước và Điều lệ tại Công ty.
3. Lợi ích, thù lao, giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
- a- Thù lao
- Thù lao của HĐQT năm 2018: phụ cấp kiêm nhiệm 192 triệu đồng, lương chuyên trách 582 triệu đồng , trang bị 01 điện thoại cầm tay/ thành viên ngoài ra không có các khoản lợi ích và chi khác.
 - Thù lao của BKS năm 2018: phụ cấp kiêm nhiệm 66 tr đ, lương chuyên trách 376 triệu đồng, trang bị 01 điện thoại cầm tay / thành viên ngoài ra không có các khoản lợi ích và chi khác.
- b- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức danh, quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%	
1	Hoàng Thị Bình	UVHĐQT	368.900	7,75	562.800	11,82	Mua
2	Nguyễn Thanh Bình	Trưởng BKS	28.000	0,59	28.000	0,59	Bán, mua

- c- Hạn chế và thách thức
- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư về môi trường còn chậm tiến độ, chưa hiệu quả, không đạt kế hoạch và mục tiêu Nghị quyết của HĐQT đã đề ra.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán độc lập : báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày , phù hợp với chuẩn mực kế toán , chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân tâm việt, tuân thủ các yêu cầu theo Luật chứng khoán và các thông tư hiện hành. Chi tiết xem tại website: www.yfatuf.com.vn

Yên Bái, ngày 07 tháng 3 năm 2019
CÔNG TY CP LÂM NÔNG SẢN THỰC
PHẨM YÊN BÁI

CHỈ TỊCH HĐQT
CỘNG TY
CỔ PHẦN
LÂM NÔNG SẢN
THỰC PHẨM
YÊN BÁI
TP YÊN BÁI - T. YÊN BÁI
FRAN CÔNG BÌNH

